

Số: /STP-QLXLVPHC&TDTHPL

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

V/v xử phạt vi phạm hành chính đối với
các vi phạm pháp luật về phân loại,
thu gom, vận chuyển và xử lý
rác thải sinh hoạt

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các quận, huyện

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại Thông báo kết luận số 217/TB-UBND ngày 09/8/2024 tại cuộc họp nghe báo cáo việc tổ chức xử lý rác thải tại các địa phương và phân loại rác thải tại nguồn; theo đó, giao Sở Tư pháp căn cứ quy định pháp luật hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện các trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm pháp luật về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt;

Đề các địa phương kịp thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và áp dụng thống nhất các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính liên quan đến phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; Sở Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện nghiên cứu, tổ chức triển khai trên địa bàn với nội dung cụ thể như sau:

1. Một số hành vi vi phạm phổ biến

Trên cơ sở nghiên cứu quy định pháp luật và ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Sở Tư pháp đã tổng hợp các hành vi vi phạm phổ biến liên quan đến phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt (chất thải rắn sinh hoạt) thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này*).

2. Trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

Bước 1: Lập biên bản vi phạm hành chính

a) Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính: Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

b) Thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính

- Biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính.

- Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc có phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính.

- Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan.

c) Nội dung biên bản

- Biên bản vi phạm hành chính được lập theo mẫu biên bản 01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

- Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản; người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; đại diện chính quyền cấp xã; người chứng kiến (*nếu có*) ký; nếu biên bản gồm nhiều trang, thì phải ký vào từng trang biên bản.

Trường hợp người vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc có tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký, điểm chỉ vào biên bản hoặc có mặt nhưng từ chối ký, điểm chỉ vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến, thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

d) Về việc giao biên bản vi phạm hành chính

- Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải giao cho đối tượng vi phạm hành chính 01 bản. Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản.

- Trường hợp người vi phạm không có mặt tại nơi lập biên bản vi phạm hành chính hoặc có mặt nhưng từ chối nhận hoặc có căn cứ cho rằng đối tượng vi phạm trốn tránh không nhận biên bản, thì việc giao biên bản vi phạm hành chính được thực hiện như sau:

+ Đối với trường hợp biên bản được giao trực tiếp: Người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận biên bản có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là biên bản đã được giao.

+ Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm: Nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày biên bản vi phạm hành chính đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do đối tượng vi phạm cố tình không nhận; biên bản vi phạm hành chính đã được niêm yết tại nơi cư trú của đối tượng vi phạm hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận biên bản thì được coi là biên bản đã được giao.

Bước 2: Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Thời hạn ra quyết định xử phạt:

- Thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

- Thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính nếu thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt.

- Thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính đối với trường hợp phải lập biên bản xác minh tình tiết.

- Thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính đối với trường hợp đối tượng vi phạm có yêu cầu giải trình hoặc phải lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ.

Lưu ý: Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những trường hợp pháp luật quy định quyền được giải trình chỉ ra quyết định xử phạt sau khi hết 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính (sau khi hết thời hạn đối tượng vi phạm thực hiện quyền giải trình bằng văn bản).

b) Nội dung quyết định xử phạt

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo mẫu quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

- Trường hợp giao quyền xử phạt, tại phần căn cứ ra quyết định xử phạt phải ghi rõ số, ngày, tháng, năm, trích yếu của quyết định giao quyền (*Quyết định giao quyền xử phạt phải xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền và thực hiện theo mẫu quyết định số 34 ban hành kèm theo Nghị định 118/2021/NĐ-CP*).

- Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt; nếu vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, thì được giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng.

- Áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đúng, đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính theo quy định.

c) Giao quyết định xử phạt

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho đối tượng bị xử phạt để thi hành.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho đối tượng bị xử phạt biết.

- Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà đối tượng vi phạm cố tình không nhận quyết định thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương (*mẫu biên bản số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP*) và được coi là quyết định đã được giao.

- Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định xử phạt đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do đối tượng vi phạm cố tình không nhận; quyết định xử phạt đã được niêm yết tại nơi cư trú của đối tượng bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao.

Bước 3: Thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Đối tượng vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.

- Trong trường hợp đối tượng bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thi hành Quyết định xử phạt thì thời hiệu được tính kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

Bước 4: Cường chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt (10 ngày sau khi nhận quyết định xử phạt hoặc nhiều hơn 10 ngày tùy từng thời hạn thi hành ghi tại Quyết định) thì thực hiện việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cưỡng chế: Thực hiện theo quy định tại Điều 87, 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi năm 2020), Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Lưu ý: Trường hợp đối tượng vi phạm vừa không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, vừa không chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả, thì người có thẩm quyền cưỡng chế ra quyết định cưỡng chế áp dụng đồng thời các biện pháp cưỡng chế hình thức phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả theo các mẫu quyết định: 12a, 12b, 12c ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

3. Để đẩy mạnh hiệu quả công tác này, trước khi tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo trình tự, thủ tục nêu tại Mục 2 Công văn này, Ủy ban nhân dân các quận, huyện cần tập trung chỉ đạo, thực hiện:

- Tăng cường tuyên truyền bằng các hình thức thích hợp (loa truyền thanh, tuyên truyền lưu động...), giáo dục, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định (*các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*).

- Khi thực hiện việc thiết lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính cần lưu ý:

+ Chứng minh hành vi, đối tượng vi phạm hành chính khi thiết lập hồ sơ xử phạt.

+ Đối với hành vi “*Không phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; không sử dụng bao bì chứa chất thải rắn sinh hoạt theo quy định*” (khoản 1 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP): Theo quy định tại Điều 75, 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 4, 17 Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng thì các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn. Theo đó, chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại tại nguồn thành 03 loại: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) Chất thải rắn sinh hoạt

khác. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình phải thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn chậm nhất ngày 31/12/2024. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn cần lưu ý quy định tại điểm h khoản 1 Điều 18 Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND, cụ thể: “Trường hợp hộ gia đình, chủ nguồn thải không chấp hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, chuyển giao không đúng nhóm chất thải theo quy định, sau khi đã được nhắc nhở nhiều lần (03 lần trở lên/01 tuần), đơn vị thực hiện thu gom có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã biết để xử lý theo quy định”.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Đề nghị các địa phương nghiên cứu, thực hiện theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBNDTP; | (để b/c);
- Đ/c GD Sở;
- Sở TNMT;
- Lưu: VT, P.QLXLVPHC&TDTHPL; PLTT(A3B2).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Đức Huấn

Phụ lục

DANH MỤC MỘT SỐ HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, MỨC PHẠT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN LOẠI, THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT THUỘC THẨM QUYỀN XỬ PHẠT CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

(Ban hành kèm theo Công văn số /STP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày /9/2024 của Sở Tư pháp)

Theo quy định tại Điều 25, 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, một số hành vi vi phạm liên quan đến phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt (chất thải rắn sinh hoạt) thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xử phạt vi phạm hành chính cụ thể như sau:

STT	Hành vi vi phạm	Hình thức xử lý	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. HÀNH VI VI PHẠM THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ				
1.	Không phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	Phạt tiền từ 500 nghìn đồng đến 1 triệu đồng	Khoản 1 Điều 26	Xử phạt đối với hộ gia đình, cá nhân
2.	Không sử dụng bao bì chứa chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	Phạt tiền từ 500 nghìn đồng đến 1 triệu đồng	Khoản 1 Điều 26	Xử phạt đối với hộ gia đình, cá nhân
3.	Vứt, thải, bỏ rác thải, đổ nước thải không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng, trừ vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 25	- Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 2 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; nếu gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc	Điểm c khoản 2 Điều 25	

		phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra		
4.	Vứt, thải, bỏ rác thải trên vỉa hè, lòng đường hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt	- Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 2 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; nếu gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra	Điểm d khoản 2 Điều 25	
5.	Đổ nước thải không đúng quy định trên vỉa hè, lòng đường phố	- Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 2 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; nếu gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra	Điểm d khoản 2 Điều 25	
6.	Thải bỏ chất thải nhựa phát sinh từ sinh hoạt vào ao hồ, kênh rạch, sông, suối, biển	- Phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 2 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; nếu gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra	Điểm d khoản 2 Điều 25	
7.	Vận chuyển nguyên liệu, vật liệu không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông	- Phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 4 triệu đồng	Khoản 3 Điều 25	

		- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; nếu gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra		
II. HÀNH VI VI PHẠM THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN				
8.	Không đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng	Điểm a khoản 5 Điều 26	
9.	Không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phân loại, không sử dụng bao bì đúng quy định	Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng	Điểm a khoản 5 Điều 26	
10.	Không ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt	Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng	Điểm a khoản 5 Điều 26	
11.	Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đến đúng điểm tập kết, trạm trung chuyển, địa điểm đã quy định, cơ sở xử lý chất thải theo quy định	Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng	Điểm b khoản 5 Điều 26	
12.	Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đúng tuyến đường, thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng	Điểm b khoản 5 Điều 26	
13.	Không phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến đường thu gom chất thải rắn sinh hoạt	Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng	Điểm b khoản 5 Điều 26	

14.	Không công bố rộng rãi thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng	Điểm b khoản 5 Điều 26	
15.	Không thông báo tới cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh trên địa bàn về thời gian đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt để giám sát theo quy định	Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng	Điểm b khoản 5 Điều 26	
16.	Không báo cáo cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường về hiện trạng của bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng	Điểm b khoản 5 Điều 26	
17.	Không bảo đảm đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại những địa điểm đã quy định	Phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng	Điểm c khoản 5 Điều 26	
18.	Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình hoặc không cung cấp thông tin, dữ liệu vận chuyển cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương	Phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng	Điểm c khoản 5 Điều 26	
19.	Sử dụng các phương tiện, thiết bị không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định	Phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng	Điểm d khoản 5 Điều 26	
20.	Để rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển	Phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng	Điểm d khoản 5 Điều 26	
21.	Không vệ sinh, phun xịt rửa mùi phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trước khi ra khỏi trạm trung chuyển, cơ sở xử lý và sau khi hoàn thành công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	Phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng	Điểm d khoản 5 Điều 26	

22.	Không bố trí các thiết bị, phương tiện để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	Phạt tiền từ 40 triệu đồng đến 50 triệu đồng	Điểm đ khoản 5 Điều 26	
23.	Không bố trí phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ nước rỉ rác tại các trạm trung chuyển theo quy định	Phạt tiền từ 40 triệu đồng đến 50 triệu đồng	Điểm đ khoản 5 Điều 26	
24.	Không đáp ứng một trong các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	Phạt tiền từ 40 triệu đồng đến 50 triệu đồng	Điểm đ khoản 5 Điều 26	
25.	Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt không bố trí thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định, không thực hiện vệ sinh khử mùi, không có đèn chiếu sáng theo quy định	Phạt tiền từ 40 triệu đồng đến 50 triệu đồng	Điểm đ khoản 5 Điều 26	
26.	Không có các biển báo, chỉ dẫn an toàn trong bãi chôn lấp sau khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt	Phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng	Điểm e khoản 5 Điều 26	
27.	Không lập hồ sơ và bàn giao mặt bằng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi kết thúc hoạt động xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	Phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng	Điểm e khoản 5 Điều 26	
28.	Không thành lập lại bản đồ địa hình của khu vực bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	Phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng	Điểm e khoản 5 Điều 26	
29.	Chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng	- Phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 5 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất	Điểm a khoản 8 Điều 26	

	không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định dưới 1.000 kg	thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý		
30.	Chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg	<ul style="list-style-type: none"> - Phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý 	Điểm b khoản 8 Điều 26	
31.	Chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg	<ul style="list-style-type: none"> - Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý 	Điểm c khoản 8 Điều 26	
32.	Chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg	<ul style="list-style-type: none"> - Phạt tiền từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý 	Điểm d khoản 8 Điều 26	
33.	Chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về	<ul style="list-style-type: none"> - Phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng 	Điểm đ khoản 8 Điều 26	

	bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg	- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý		
34.	Chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 5.000 kg đến dưới 10.000 kg	- Phạt tiền từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý	Điểm e khoản 8 Điều 26	
35.	Chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg	- Phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý	Điểm g khoản 8 Điều 26	
36.	Chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 20.000 kg đến dưới 30.000 kg	- Phạt tiền từ 35 triệu đồng đến 40 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý	Điểm h khoản 8 Điều 26	

37.	Chuyên giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 30.000 kg đến dưới 40.000 kg	<ul style="list-style-type: none"> - Phạt tiền từ 40 triệu đồng đến 50 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyên giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý 	Điểm i khoản 8 Điều 26	
38.	Chuyên giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 40.000 kg đến dưới 60.000 kg	<ul style="list-style-type: none"> - Phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyên giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý 	Điểm k khoản 8 Điều 26	
III. HÀNH VI VI PHẠM THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ				
39.	Không tiến hành cải tạo cảnh quan, không có biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường ngay sau khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt	Phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 150 triệu đồng	Điểm g khoản 5 Điều 26	
40.	Không tổ chức quan trắc, theo dõi diễn biến môi trường tại bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt kể từ ngày kết thúc việc đóng bãi chôn lấp và báo cáo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo quy định	Phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 150 triệu đồng	Điểm g khoản 5 Điều 26	
41.	Không có thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư tập trung	<ul style="list-style-type: none"> - Phạt tiền từ 200 triệu đồng đến 250 triệu đồng - Biện pháp khắc phục hậu quả: 	Điểm c khoản 6 Điều 25	Xử phạt đối với Chủ đầu tư xây dựng khu

		<p>+ Buộc phải xây dựng, lắp đặt công trình bảo vệ môi trường theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.</p> <p>+ Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.</p>		đô thị, khu dân cư tập trung
42.	Không bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	Phạt tiền từ 200 triệu đồng đến 250 triệu đồng	Điểm a khoản 6 Điều 26	Xử phạt đối với chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, chung cư, tòa nhà văn phòng
43.	Không tổ chức thu gom chất thải từ hộ gia đình, cá nhân theo quy định	Phạt tiền từ 250 triệu đồng đến 300 triệu đồng	Điểm b khoản 6 Điều 26	Xử phạt đối với chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, chung cư,

				tòa nhà văn phòng
44.	Không bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phù hợp trong khuôn viên của dự án đầu tư theo quy định	Phạt tiền từ 250 triệu đồng đến 300 triệu đồng	Điểm b khoản 6 Điều 26	Xử phạt đối với chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, chung cư, tòa nhà văn phòng
45.	Chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 60.000 kg đến dưới 80.000 kg, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	- Phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 150 triệu đồng - Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường từ 01 tháng đến 03 tháng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý	Điểm 1 khoản 8 Điều 26	
46.	Chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 80.000 kg đến dưới	- Phạt tiền từ 150 triệu đồng đến 200 triệu đồng - Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường từ 01 tháng đến 03 tháng	Điểm m khoản 8 Điều 26	

	100.000 kg, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý		
47.	Chuyên giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định từ 100.000 kg trở lên	- Phạt tiền từ 200 triệu đồng đến 250 triệu đồng - Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường từ 01 tháng đến 03 tháng - Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý	Điểm n khoản 8 Điều 26	

Lưu ý:

- Mức phạt tiền trên là mức phạt tiền áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.
- Hộ gia đình, hộ kinh doanh, cộng đồng dân cư vi phạm bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.
- Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với tổng khối lượng dưới 300kg/ngày và lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân thì việc xử lý hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP như đối với tổ chức (*khoản 11 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP*).